|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  **LĨNH VỰC  ĐĂNG KÝ  QUẢN LÝ CƯ TRÚ**  *(Ban hành kèm theo QĐ số: 743/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của UBND tỉnh Gia Lai)* | | |
| **STT** | **LĨNH VỰC  ĐĂNG KÝ  QUẢN LÝ CƯ TRÚ** | **Trang số** |
| 1 | Đăng ký thường trú tại công an xã, thị trấn thuộc huyện của tỉnh Gia Lai | **2-3** |
| 2 | Tách sổ hộ khẩu tại công an xã, thị trấn thuộc huyện của tỉnh Gia Lai | **3-4** |
| 3 | Cấp đổi sổ hộ khẩu tại công an xã, thị trấn thuộc huyện của tỉnh Gia Lai | **4-6** |
| 4 | Cấp lại sổ hộ khẩu tại công an xã, thị trấn thuộc huyện của tỉnh Gia Lai | **6-7** |
| 5 | Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu tại công an xã, thị trấn thuộc huyện của tỉnh Gia Lai | **7-8** |
| 6 | Xóa đăng ký thường trú tại công an xã, thị trấn thuộc huyện của tỉnh Gia Lai | **8-9** |
| 7 | Cấp giấy chuyển hộ khẩu tại công an xã, thị trấn thuộc huyện của tỉnh Gia Lai | **9-11** |
| 8 | Xác nhận việc trước đây đã đăng ký thường trú tại công an xã, thị trấn thuộc huyện của tỉnh Gia Lai | **11-12** |
| 9 | Đăng ký tạm trú tại Công an cấp xã tại công an xã, thị trấn thuộc huyện của tỉnh Gia Lai | **12-13** |
| 10 | Cấp đổi sổ tạm trú tại Công an cấp xã tại công an xã, thị trấn thuộc huyện của tỉnh Gia Lai | **13-14** |
| 11 | Cấp lại sổ tạm trú tại Công an cấp xã tại công an xã, thị trấn thuộc huyện của tỉnh Gia Lai | **15-16** |
| 12 | Điều chỉnh những thay đổi trong sổ tạm trú tại Công an cấp xã | **16-17** |
| 13 | Khai báo tạm vắng tại Công an cấp xã | **17-18** |
| 14 | Lưu trú và tiếp nhận lưu trú tại Công an cấp xã tại công an xã, thị trấn thuộc huyện của tỉnh Gia Lai | **18-19** |
| 15 | Thủ tục Thay đổi nơi đăng ký thường trú tại công an xã, thị trấn thuộc huyện của tỉnh Gia Lai | **19-22** |

**PHẦN II. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ CƯ TRÚ**

**1. Thủ tục: Đăng ký thường trú tại Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**- Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Công dân nộp hồ sơ tại Công an xã, thị trấn. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu với các quy định của pháp luật về cư trú:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy biên nhận trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện nhưng thiếu thành phần hồ sơ hoặc biểu mẫu, giấy tờ kê khai chưa đúng, chưa đầy đủ thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn cho người đến nộp hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì không tiếp nhận và trả lời bằng văn bản cho công dân, nêu rõ lý do không tiếp nhận.

+ Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (ngày lễ nghỉ).

Bước 3: Trả kết quả:

+ Trường hợp được giải quyết đăng ký thường trú: Nộp lệ phí và nhận hồ sơ; kiểm tra lại giấy tờ, tài liệu, đối chiếu các thông tin được ghi trong sổ hộ khẩu,giấy tờ khác và ký nhận vào sổ theo dõi giải quyết hộ khẩu (ký, ghi rõ họ, tên và ngày, tháng, năm nhận kết quả).

+ Trường hợp không giải quyết đăng ký thường trú: Nhận lại hồ sơ đã nộp; kiểm tra lại giấy tờ, tài liệu có trong hồ sơ; nhận văn bản về việc không giải quyết đăng ký thường trú và ký nhận (ghi rõ họ, tên và ngày, tháng, năm nhận văn bản và hồ sơ đăng ký cư trú đã nộp) vào sổ theo dõi giải quyết hộ khẩu.

          Thời gian trả kết quả: theo ngày hẹn trên giấy biên nhận.

**- Cách thức thực hiện:** trực tiếp tại trụ sở Công an xã, thị trấn.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ:

a) Bản khai nhân khẩu (HK01).

b) Phiếu báo thay đổi hộ khẩu nhân khẩu (HK02)

c)  Giấy chuyển hộ khẩu (HK07)

d) Giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp

đ) Một số trường hợp cụ thể hồ sơ quy định tại khoản 2, Điều 6 Thông tư số 35/2014/TT-BCA, ngày 09/9/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP, ngày 18/4/2014 của  Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

e) Sổ hộ khẩu (nếu có).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, công dân Việt Nam; người Việt Nam định cư ở nước ngoài vẫn còn quốc tịch Việt Nam trở về Việt Nam sinh sống.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Công an xã, thị trấn.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Sổ hộ khẩu (hoặc ghi tên vào sổ hộ khẩu).

**- Lệ phí (nếu có):** theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Bản khai nhân khẩu (HK01); Phiếu báo thay đổi hộ khẩu,  nhân khẩu (HK02).

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** không.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Cư trú (Luật số 81/2006/QH11, ngày 29/11/2006).

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú (Luật số 36/2013/QH13, ngày 20/6/2013).

+ Nghị định số 31/2014/NĐ-CP, ngày 18/4/2014 của  Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

+ Thông tư số 35/2014/TT-BCA, ngày 09/9/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP, ngày 18/4/2014 của  Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

+ Thông tư số 36/2014/TT-BCA, ngày 09/9/2014 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú.

+ Thông tư số 61/2014/TT-BCA, ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú.

**2. Thủ tục: Tách sổ hộ khẩu tại Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**- Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Công dân nộp hồ sơ tại Công an xã, thị trấn. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu với các quy định của pháp luật về cư trú:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy biên nhận trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện nhưng thiếu thành phần hồ sơ hoặc biểu mẫu, giấy tờ kê khai chưa đúng, chưa đầy đủ thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn cho người đến nộp hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì không tiếp nhận và trả lời bằng văn bản cho công dân, nêu rõ lý do không tiếp nhận.

+ Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (ngày lễ nghỉ).

Bước 3: Trả kết quả:

+ Trường hợp được giải quyết tách sổ hộ khẩu: Nộp lệ phí và nhận hồ sơ; kiểm tra lại giấy tờ, tài liệu, đối chiếu các thông tin được ghi trong sổ hộ khẩu, giấy tờ khác và ký nhận vào sổ theo dõi giải quyết hộ khẩu (ký, ghi rõ họ, tên và ngày, tháng, năm nhận kết quả).

+ Trường hợp không giải quyết tách sổ hộ khẩu: Nhận lại hồ sơ đã nộp; kiểm tra lại giấy tờ, tài liệu có trong hồ sơ; nhận văn bản về việc không giải quyết tách sổ hộ khẩu và ký nhận (ghi rõ họ, tên và ngày, tháng, năm nhận văn bản và hồ sơ đăng ký cư trú đã nộp) vào sổ theo dõi giải quyết hộ khẩu.

Thời gian trả kết quả: theo ngày hẹn trên giấy biên nhận.

**- Cách thức thực hiện:** trực tiếp tại trụ sở Công an xã, thị trấn.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ:

a) Sổ hộ khẩu

b) Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (HK02).

 Chủ hộ phải ghi vào phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu đồng ý cho tách sổ hộ khẩu, ký, ghi rõ họ tên và ngày, tháng, năm.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, công dân Việt Nam; người Việt Nam định cư ở nước ngoài vẫn còn quốc tịch Việt Nam trở về Việt Nam sinh sống.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Công an xã, thị trấn.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Sổ hộ khẩu.

**- Lệ phí (nếu có):** theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (HK02).

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** chủ hộ phải ghi vào phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu đồng ý cho tách sổ hộ khẩu.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Cư trú (Luật số 81/2006/QH11, ngày 29/11/2006).

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú (Luật số 36/2013/QH13, ngày 20/6/2013).

+ Nghị định số 31/2014/NĐ-CP, ngày 18/4/2014 của  Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

+ Thông tư số 35/2014/TT-BCA, ngày 09/9/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP, ngày 18/4/2014 của  Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

+ Thông tư số 36/2014/TT-BCA, ngày 09/9/2014 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú.

+ Thông tư số 61/2014/TT-BCA, ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú.

**3. Thủ tục: Cấp đổi sổ hộ khẩu tại Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**- Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Công dân nộp hồ sơ tại Công an xã, thị trấn. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu với các quy định của pháp luật về cư trú:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy biên nhận trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện nhưng thiếu thành phần hồ sơ hoặc biểu mẫu, giấy tờ kê khai chưa đúng, chưa đầy đủ thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn cho người đến nộp hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì không tiếp nhận và trả lời bằng văn bản cho công dân, nêu rõ lý do không tiếp nhận.

+ Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (ngày lễ, tết nghỉ).

Bước 3: Trả kết quả:

+ Trường hợp được giải quyết cấp đổi sổ hộ khẩu: Nộp lệ phí và nhận hồ sơ; kiểm tra lại giấy tờ, tài liệu, đối chiếu các thông tin được ghi trong sổ hộ khẩu,giấy tờ khác và ký nhận vào sổ theo dõi giải quyết hộ khẩu (ký, ghi rõ họ, tên và ngày, tháng, năm nhận kết quả).

+ Trường hợp không giải quyết cấp đổi sổ hộ khẩu: Nhận lại hồ sơ đã nộp; kiểm tra lại giấy tờ, tài liệu có trong hồ sơ; nhận văn bản về việc không giải quyết đăng cấp đổi sổ hộ khẩu và ký nhận (ghi rõ họ, tên và ngày, tháng, năm nhận văn bản và hồ sơ đăng ký cư trú đã nộp) vào sổ theo dõi giải quyết hộ khẩu.

Thời gian trả kết quả: theo ngày hẹn trên giấy biên nhận.

**- Cách thức thực hiện:**trực tiếp tại trụ sở Công an xã, thị trấn.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ:

a) Sổ hộ khẩu (bị hư hỏng) hoặc sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể (đối với trường hợp đổi từ mẫu sổ cũ).

b)  Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (HK02).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ .

**- Thời hạn giải quyết:** không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, công dân Việt Nam; người Việt Nam định cư ở nước ngoài vẫn còn quốc tịch Việt Nam trở về Việt Nam sinh sống.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**Công an xã, thị trấn.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Sổ hộ khẩu.

**- Lệ phí (nếu có):** theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (HK02).

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**không.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Cư trú (Luật số 81/2006/QH11, ngày 29/11/2006).

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú (Luật số 36/2013/QH13, ngày 20/6/2013).

+ Nghị định số 31/2014/NĐ-CP, ngày 18/4/2014 của  Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

+ Thông tư số 35/2014/TT-BCA, ngày 09/9/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP, ngày 18/4/2014 của  Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

+ Thông tư số 36/2014/TT-BCA, ngày 09/9/2014 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú.

+ Thông tư số 61/2014/TT-BCA, ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú.

**4. Thủ tục: Cấp lại sổ hộ khẩu tại Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**- Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Công dân nộp hồ sơ tại Công an xã, thị trấn. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu với các quy định của pháp luật về cư trú:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy biên nhận trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện nhưng thiếu thành phần hồ sơ hoặc biểu mẫu, giấy tờ kê khai chưa đúng, chưa đầy đủ thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn cho người đến nộp hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì không tiếp nhận và trả lời bằng văn bản cho công dân, nêu rõ lý do không tiếp nhận.

+ Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (ngày lễ nghỉ).

Bước 3: Trả kết quả:

+ Trường hợp được giải quyết cấp lại  sổ hộ khẩu: Nộp lệ phí và nhận hồ sơ; kiểm tra lại giấy tờ, tài liệu, đối chiếu các thông tin được ghi trong sổ hộ khẩu, giấy tờ khác và ký nhận vào sổ theo dõi giải quyết hộ khẩu (ký, ghi rõ họ, tên và ngày, tháng, năm nhận kết quả).

+ Trường hợp không giải quyết cấp lại sổ hộ khẩu: Nhận lại hồ sơ đã nộp; kiểm tra lại giấy tờ, tài liệu có trong hồ sơ; nhận văn bản về việc không giải quyết cấp lại sổ hộ khẩu và ký nhận (ghi rõ họ, tên và ngày, tháng, năm nhận văn bản và hồ sơ đăng ký cư trú đã nộp) vào sổ theo dõi giải quyết hộ khẩu.

Thời gian trả kết quả: theo ngày hẹn trên giấy biên nhận.

**- Cách thức thực hiện:** trực tiếp tại trụ sở Công an xã, thị trấn.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ: Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (HK02).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, công dân Việt Nam; người Việt Nam định cư ở nước ngoài vẫn còn quốc tịch Việt Nam trở về Việt Nam sinh sống.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Công an xã, thị trấn.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Sổ hộ khẩu.

**- Lệ phí (nếu có):**theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (HK02).

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**không.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Cư trú (Luật số 81/2006/QH11, ngày 29/11/2006).

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú (Luật số 36/2013/QH13, ngày 20/6/2013).

+ Nghị định số 31/2014/NĐ-CP, ngày 18/4/2014 của  Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

+ Thông tư số 35/2014/TT-BCA, ngày 09/9/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP, ngày 18/4/2014 của  Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

+ Thông tư số 36/2014/TT-BCA, ngày 09/9/2014 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú.

+ Thông tư số 61/2014/TT-BCA, ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú.

**5. Thủ tục: Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu  tại Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**- Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Công dân nộp hồ sơ tại Công an xã, thị trấn. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu với các quy định của pháp luật về cư trú:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy biên nhận trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện nhưng thiếu thành phần hồ sơ hoặc biểu mẫu, giấy tờ kê khai chưa đúng, chưa đầy đủ thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn cho người đến nộp hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì không tiếp nhận và trả lời bằng văn bản cho công dân, nêu rõ lý do không tiếp nhận.

+ Thời gian tiếp nhận hồ sơ: từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (ngày lễ nghỉ)

Bước 3: Trả kết quả:

+ Trường hợp được giải quyết điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu: Nộp lệ phí và nhận hồ sơ; kiểm tra lại giấy tờ, tài liệu, đối chiếu các thông tin được ghi trong sổ hộ khẩu, giấy tờ khác và ký nhận vào sổ theo dõi giải quyết hộ khẩu (ký, ghi rõ họ, tên và ngày, tháng, năm nhận kết quả).

+ Trường hợp không giải quyết điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu: Nhận lại hồ sơ đã nộp; kiểm tra lại giấy tờ, tài liệu có trong hồ sơ; nhận văn bản về việc không giải quyết điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu và ký nhận (ghi rõ họ, tên và ngày, tháng, năm nhận văn bản và hồ sơ đăng ký cư trú đã nộp) vào sổ theo dõi giải quyết hộ khẩu.

          + Thời gian trả kết quả: theo ngày hẹn trên giấy biên nhận.

**- Cách thức thực hiện:** trực tiếp tại trụ sở Công an xã, thị trấn.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ:

a) Sổ hộ khẩu

b) Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (HK02)

c) Tùy từng trường hợp điều chỉnh thay đổi mà xuất trình các giấy tờ khác theo quy định như: ý kiến của chủ hộ hoặc người khác trong gia đình về việc thay đổi chủ hộ; giấy khai sinh hoặc quyết định được phép thay đổi của cơ quan có thẩm quyền về đăng ký hộ tịch; quyết định thay đổi địa giới hành chính, đơn vị hành chính đường phố, số nhà của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; giấy tờ chứng minh chỗ ở hợp pháp mới.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, công dân Việt Nam; người Việt Nam định cư ở nước ngoài vẫn còn quốc tịch Việt Nam trở về Việt Nam sinh sống.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Công an xã, thị trấn.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Sổ hộ khẩu (đã điều chỉnh).

**- Lệ phí (nếu có):** theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (HK02).

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**không.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Cư trú (Luật số 81/2006/QH11, ngày 29/11/2006).

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú (Luật số 36/2013/QH13, ngày 20/6/2013).

+ Nghị định số 31/2014/NĐ-CP, ngày 18/4/2014 của  Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

+ Thông tư số 35/2014/TT-BCA, ngày 09/9/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP, ngày 18/4/2014 của  Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

+ Thông tư số 36/2014/TT-BCA, ngày 09/9/2014 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú.

+ Thông tư số 61/2014/TT-BCA, ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú.

**6. Thủ tục: Xóa đăng ký thường trú tại Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**- Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Công dân nộp hồ sơ tại Công an xã, thị trấn. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu với các quy định của pháp luật về cư trú:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy biên nhận trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện nhưng thiếu thành phần hồ sơ hoặc biểu mẫu, giấy tờ kê khai chưa đúng, chưa đầy đủ thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn cho người đến nộp hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì không tiếp nhận và trả lời bằng văn bản cho công dân, nêu rõ lý do không tiếp nhận.

+ Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (ngày lễ nghỉ).

Bước 3: Trả kết quả: Người nhận kết quả đưa giấy biên nhận, cán bộ đăng ký trả Sổ hộ khẩu (đã xóa tên) và yêu cầu người nhận kết quả ký nhận vào sổ theo dõi giải quyết hộ khẩu.

Thời gian trả kết quả: theo ngày hẹn trên giấy biên nhận.

**- Cách thức thực hiện:** trực tiếp tại trụ sở Công an xã, thị trấn.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ:

a) Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (HK02).

b)  Sổ hộ khẩu.

c) Giấy tờ chứng minh thuộc một trong các trường hợp xóa đăng ký thường trú: Chết, bị Toà án tuyên bố mất tích hoặc đã chết; được tuyển dụng vào Quân đội nhân dân, Công an nhân dân ở tập trung trong doanh trại; ra nước ngoài để định cư; đã đăng ký thường trú ở nơi cư trú mới.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, công dân Việt Nam; người Việt Nam định cư ở nước ngoài vẫn còn quốc tịch Việt Nam trở về Việt Nam sinh sống.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Công an xã, thị trấn.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Sổ hộ khẩu (đã xóa tên).

**- Lệ phí (nếu có):** không.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (HK02).

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** không.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Cư trú (Luật số 81/2006/QH11, ngày 29/11/2006).

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú (Luật số 36/2013/QH13, ngày 20/6/2013).

+ Nghị định số 31/2014/NĐ-CP, ngày 18/4/2014 của  Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

+ Thông tư số 35/2014/TT-BCA, ngày 09/9/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP, ngày 18/4/2014 của  Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

+ Thông tư số 36/2014/TT-BCA, ngày 09/9/2014 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú.

+ Thông tư số 61/2014/TT-BCA, ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú.

**7. Thủ tục: Cấp giấy chuyển hộ khẩu tại Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**- Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Công dân nộp hồ sơ tại Công an xã, thị trấn để làm thủ tục cấp giấy chuyển hộ khẩu. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu với các quy định của pháp luật về cư trú:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy biên nhận trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện nhưng thiếu thành phần hồ sơ hoặc biểu mẫu, giấy tờ kê khai chưa đúng, chưa đầy đủ thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn cho người đến nộp hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì không tiếp nhận và trả lời bằng văn bản cho công dân, nêu rõ lý do không tiếp nhận.

+ Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (ngày lễ nghỉ).

Bước 3: Nhận kết quả: Người nhận kết quả đưa giấy biên nhận, cán bộ đăng ký giao giấy chuyển hộ khẩu và hồ sơ cho người đến nhận kết quả và yêu cầu người nhận kết quả ký nhận vào sổ theo dõi giải quyết hộ khẩu.

          Thời gian trả kết quả: theo ngày hẹn trên giấy biên nhận.

**- Cách thức thực hiện:** trực tiếp tại trụ sở Công an xã, thị trấn.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ:

a) Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (HK02)

b) Sổ hộ khẩu (hoặc sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể đã được cấp trước đây).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, công dân Việt Nam; người Việt Nam định cư ở nước ngoài vẫn còn quốc tịch Việt Nam trở về Việt Nam sinh sống.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Công an xã, thị trấn.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chuyển hộ khẩu (HK07).

**- Lệ phí (nếu có):** theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (HK02).

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**không.

+ Giấy chuyển hộ khẩu được cấp cho công dân trong các trường hợp sau đây: chuyển đi ngoài phạm vi xã, thị trấn của huyện thuộc tỉnh; chuyển đi ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã của thành phố trực thuộc trung ương; thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

+ Trường hợp không phải cấp giấy chuyển hộ khẩu: chuyển đi trong phạm vi xã, thị trấn của huyện thuộc tỉnh; chuyển đi trong cùng một huyện, quận, thị xã của thành phố trực thuộc trung ương; chuyển đi trong cùng một thị xã, thành phố thuộc tỉnh; học sinh, sinh viên, học viên học tại nhà trường và cơ sở giáo dục khác; đi làm nghĩa vụ quân sự, phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân; được tuyển dụng vào Quân đội nhân dân, Công an nhân dân ở tập trung trong doanh trại hoặc nhà ở tập thể; chấp hành hình phạt tù; chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, cơ sở cai nghiện ma tuý bắt buộc, quản chế.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Cư trú (Luật số 81/2006/QH11, ngày 29/11/2006).

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú (Luật số 36/2013/QH13, ngày 20/6/2013).

+ Nghị định số 31/2014/NĐ-CP, ngày 18/4/2014 của  Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

+ Thông tư số 35/2014/TT-BCA, ngày 09/9/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP, ngày 18/4/2014 của  Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

+ Thông tư số 36/2014/TT-BCA, ngày 09/9/2014 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú.

+ Thông tư số 61/2014/TT-BCA, ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú.

**8. Thủ tục: Xác nhận việc trước đây đã đăng ký thường trú tại công an xã, thị trấn thuộc huyện của tỉnh Gia Lai**

**- Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Công dân nộp hồ sơ tại Công an cấp xã, thị trấn. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu với các quy định của pháp luật về cư trú:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy biên nhận trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện nhưng thiếu thành phần hồ sơ hoặc biểu mẫu, giấy tờ kê khai chưa đúng, chưa đầy đủ thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn cho người đến nộp hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì không tiếp nhận và trả lời bằng văn bản cho công dân, nêu rõ lý do không tiếp nhận.

+ Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (ngày lễ nghỉ).

Bước 3: Nhận kết quả tại trụ sở Công an xã, thị trấn:

+ Nội dung xác nhận bao gồm các thông tin cơ bản của từng cá nhân: Họ và tên, tên gọi khác (nếu có), ngày, tháng, năm sinh, giới tính, nguyên quán, dân tộc, tôn giáo, số chứng minh nhân dân, nơi thường trú, ngày, tháng, năm đăng ký thường trú, ngày, tháng, năm xóa đăng ký thường trú.

+ Người nhận kết quả đưa giấy biên nhận, cán bộ trả kết quả kiểm tra và yêu cầu ký nhận, trả kết quả xác nhận cho người đến nhận kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** trực tiếp tại trụ sở Công an xã, thị trấn.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ:

a) Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (HK02)

b) Giấy tờ, tài liệu chứng minh công dân trước đây có hộ khẩu thường trú (nếu có).

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, công dân Việt Nam; người Việt Nam định cư ở nước ngoài vẫn còn quốc tịch Việt Nam trở về Việt Nam sinh sống.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Công an xã, thị trấn.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản xác nhận.

**- Lệ phí (nếu có):** không.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (HK02).

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** không.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Cư trú (Luật số 81/2006/QH11, ngày 29/11/2006).

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú (Luật số 36/2013/QH13, ngày 20/6/2013).

+ Nghị định số 31/2014/NĐ-CP, ngày 18/4/2014 của  Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

+ Thông tư số 35/2014/TT-BCA, ngày 09/9/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/4/2014 của  Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

+ Thông tư số 36/2014/TT-BCA, ngày 09/9/2014 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú.

+ Thông tư số 61/2014/TT-BCA, ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú.

**9. Thủ tục: Đăng ký tạm trú tại Công an cấp xã tại Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**- Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Công dân nộp hồ sơ tại Công an phường, xã, thị trấn. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu với các quy định của pháp luật về cư trú:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy biên nhận trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện nhưng thiếu thành phần hồ sơ hoặc biểu mẫu, giấy tờ kê khai chưa đúng, chưa đầy đủ thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn cho người đến nộp hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì không tiếp nhận và trả lời bằng văn bản cho công dân, nêu rõ lý do không tiếp nhận.

Bước 3: Nhận kết quả: Nộp giấy biên nhận.

+ Trường hợp được giải quyết đăng ký tạm trú: Nộp lệ phí và nhận hồ sơ; kiểm tra lại giấy tờ, tài liệu, đối chiếu các thông tin được ghi trong sổ tạm trú, giấy tờ khác và ký nhận vào sổ theo dõi giải quyết hộ khẩu (ký, ghi rõ họ, tên và ngày, tháng, năm nhận kết quả).

+ Trường hợp không giải quyết đăng ký tạm trú: Nhận lại hồ sơ đã nộp; kiểm tra lại giấy tờ, tài liệu có trong hồ sơ; nhận văn bản về việc không giải quyết đăng ký tạm trú và ký nhận (ghi rõ họ, tên và ngày, tháng, năm nhận văn bản và hồ sơ đăng ký cư trú đã nộp) vào sổ theo dõi giải quyết hộ khẩu.

Thời gian trả kết quả: theo ngày hẹn trên giấy biên nhận.

**- Cách thức thực hiện:** trực tiếp tại trụ sở Công an xã, thị trấn.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ:

a) Xuất trình Chứng minh nhân dân.

b) Giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp.

c) Bản khai nhân khẩu (HK01).

d) Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (HK02).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, công dân Việt Nam; người Việt Nam định cư ở nước ngoài vẫn còn quốc tịch Việt Nam trở về Việt Nam sinh sống.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Công an xã, thị trấn.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Sổ tạm trú.

**- Lệ phí (nếu có):** theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):**Bản khai nhân khẩu(HK01); Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (HK02).

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** không.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Cư trú (Luật số 81/2006/QH11, ngày 29/11/2006).

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú (Luật số 36/2013/QH13, ngày 20/6/2013).

+ Nghị định số 31/2014/NĐ-CP, ngày 18/4/2014 của  Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

+ Thông tư số 35/2014/TT-BCA, ngày 09/9/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP, ngày 18/4/2014 của  Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

+ Thông tư số 36/2014/TT-BCA, ngày 09/9/2014 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú.

+ Thông tư số 61/2014/TT-BCA, ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú.

**10. Thủ tục: Cấp đổi sổ tạm trú  tại Công an cấp xã tại Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**- Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Công dân nộp hồ sơ tại Công an phường, xã, thị trấn. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu với các quy định của pháp luật về cư trú:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy biên nhận trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện nhưng thiếu thành phần hồ sơ hoặc biểu mẫu, giấy tờ kê khai chưa đúng, chưa đầy đủ thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn cho người đến nộp hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì không tiếp nhận và trả lời bằng văn bản cho công dân, nêu rõ lý do không tiếp nhận.

Bước 3: Nhận kết quả: Nộp giấy biên nhận.

+ Trường hợp được giải quyết đổi sổ tạm trú: Nộp lệ phí và nhận hồ sơ; kiểm tra lại giấy tờ, tài liệu, đối chiếu các thông tin được ghi trong sổ tạm trú, giấy tờ khác và ký nhận vào sổ theo dõi giải quyết hộ khẩu (ký, ghi rõ họ, tên và ngày, tháng, năm nhận kết quả).

+ Trường hợp không giải quyết đổi sổ tạm trú: Nhận lại hồ sơ đã nộp; kiểm tra lại giấy tờ, tài liệu có trong hồ sơ; nhận văn bản về việc không giải quyết cấp đổi sổ tạm trú và ký nhận (ghi rõ họ, tên và ngày, tháng, năm nhận văn bản và hồ sơ đăng ký cư trú đã nộp) vào sổ theo dõi giải quyết hộ khẩu.

**- Cách thức thực hiện:** trực tiếp tại trụ sở Công an xã, phường, thị trấn.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ:

a) Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (HK02).

b)  Sổ tạm trú.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, công dân Việt Nam; người Việt Nam định cư ở nước ngoài vẫn còn quốc tịch Việt Nam trở về Việt Nam sinh sống.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**Công an xã, phường, thị trấn.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Sổ tạm trú.

**- Lệ phí (nếu có):** theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (HK02).

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** không.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Cư trú (Luật số 81/2006/QH11, ngày 29/11/2006).

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú (Luật số 36/2013/QH13, ngày 20/6/2013).

+ Nghị định số 31/2014/NĐ-CP, ngày 18/4/2014 của  Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

+ Thông tư số 35/2014/TT-BCA, ngày 09/9/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP, ngày 18/4/2014 của  Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

+ Thông tư số 36/2014/TT-BCA, ngày 09/9/2014 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú.

+ Thông tư số 61/2014/TT-BCA, ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú.

**11. Thủ tục: Cấp lại sổ tạm trú  tại Công an cấp xã tại Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**- Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Công dân nộp hồ sơ tại Công an phường, xã, thị trấn. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu với các quy định của pháp luật về cư trú:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy biên nhận trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện nhưng thiếu thành phần hồ sơ hoặc biểu mẫu, giấy tờ kê khai chưa đúng, chưa đầy đủ thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn cho người đến nộp hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì không tiếp nhận và trả lời bằng văn bản cho công dân, nêu rõ lý do không tiếp nhận.

Bước 3: Nhận kết quả: Nộp giấy biên nhận.

+ Trường hợp được giải quyết cấp lại sổ tạm trú: Nộp lệ phí và nhận hồ sơ; kiểm tra lại giấy tờ, tài liệu, đối chiếu các thông tin được ghi trong sổ tạm trú, giấy tờ khác và ký nhận vào sổ theo dõi giải quyết hộ khẩu (ký, ghi rõ họ, tên và ngày, tháng, năm nhận kết quả).

+ Trường hợp không giải quyết cấp lại sổ tạm trú: Nhận lại hồ sơ đã nộp; kiểm tra lại giấy tờ, tài liệu có trong hồ sơ; nhận văn bản về việc không giải quyết cấp lại sổ tạm trú và ký nhận (ghi rõ họ, tên và ngày, tháng, năm nhận văn bản và hồ sơ đăng ký cư trú đã nộp) vào sổ theo dõi giải quyết hộ khẩu.

**- Cách thức thực hiện:** trực tiếp tại trụ sở Công an xã, phường, thị trấn.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ: Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (HK02).

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, công dân Việt Nam; người Việt Nam định cư ở nước ngoài vẫn còn quốc tịch Việt Nam trở về Việt Nam sinh sống.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**Công an xã, phường, thị trấn.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Sổ tạm trú.

**- Lệ phí (nếu có):** theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (HK02).

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** không.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Cư trú (Luật số 81/2006/QH11, ngày 29/11/2006).

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú (Luật số 36/2013/QH13, ngày 20/6/2013).

+ Nghị định số 31/2014/NĐ-CP, ngày 18/4/2014 của  Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

+ Thông tư số 35/2014/TT-BCA, ngày 09/9/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18/4/2014 của  Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

+ Thông tư số 36/2014/TT-BCA, ngày 09/9/2014 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú.

+ Thông tư số 61/2014/TT-BCA, ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú.

**12. Thủ tục: Điều chỉnh những thay đổi trong sổ tạm trú  tại Công an cấp xã**

**- Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Công dân nộp hồ sơ tại Công an phường, xã, thị trấn. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu với các quy định của pháp luật về cư trú:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy biên nhận trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện nhưng thiếu thành phần hồ sơ hoặc biểu mẫu, giấy tờ kê khai chưa đúng, chưa đầy đủ thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn cho người đến nộp hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì không tiếp nhận và trả lời bằng văn bản cho công dân, nêu rõ lý do không tiếp nhận.

Bước 3: Nhận kết quả: Nộp giấy biên nhận.

+ Trường hợp được giải quyết điều chỉnh những thay đổi trong sổ tạm trú: Nộp lệ phí và nhận hồ sơ; kiểm tra lại giấy tờ, tài liệu, đối chiếu các thông tin được ghi trong sổ tạm trú, giấy tờ khác và ký nhận vào sổ theo dõi giải quyết hộ khẩu (ký, ghi rõ họ, tên và ngày, tháng, năm nhận kết quả).

+ Trường hợp không giải quyết điều chỉnh những thay đổi trong sổ tạm trú: Nhận lại hồ sơ đã nộp; kiểm tra lại giấy tờ, tài liệu có trong hồ sơ; nhận văn bản về việc không giải quyết điều chỉnh những thay đổi trong sổ tạm trú và ký nhận (ghi rõ họ, tên và ngày, tháng, năm nhận văn bản và hồ sơ đăng ký cư trú đã nộp) vào sổ theo dõi giải quyết hộ khẩu.

**- Cách thức thực hiện:** trực tiếp tại trụ sở Công an xã, phường, thị trấn.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ:

a) Sổ hộ khẩu.

b) Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (HK02)

c) Tùy từng trường hợp điều chỉnh thay đổi mà xuất trình các giấy tờ khác theo quy định như: Ý kiến của chủ hộ hoặc người khác trong gia đình về việc thay đổi chủ hộ; Giấy khai sinh hoặc Quyết định được phép thay đổi của cơ quan có thẩm quyền về đăng ký hộ tịch; Quyết định thay đổi địa giới hành chính, đơn vị hành chính đường phố, số nhà của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; giấy tờ chứng minh chỗ ở hợp pháp mới.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, công dân Việt Nam; người Việt Nam định cư ở nước ngoài vẫn còn quốc tịch Việt Nam trở về Việt Nam sinh sống.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Công an xã, phường, thị trấn.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Sổ tạm trú (đã điều chỉnh).

**- Lệ phí (nếu có):** theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (HK02).

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** không.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Cư trú (Luật số 81/2006/QH11, ngày 29/11/2006).

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú (Luật số 36/2013/QH13, ngày 20/6/2013).

+ Nghị định số 31/2014/NĐ-CP, ngày 18/4/2014 của  Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

+ Thông tư số 35/2014/TT-BCA, ngày 09/9/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP, ngày 18/4/2014 của  Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

+ Thông tư số 36/2014/TT-BCA, ngày 09/9/2014 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú.

+ Thông tư số 61/2014/TT-BCA, ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú.

**13. Thủ tục: Khai báo tạm vắng tại Công an cấp xã tại Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**- Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Những người sau đây khi đi khỏi nơi cư trú phải đến trụ sở Công an xã, phường, thị trấn khai báo tạm vắng:

+ Bị can, bị cáo đang tại ngoại; người bị kết án phạt tù nhưng chưa có quyết định thi hành án hoặc được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; người bị kết án phạt tù được hưởng án treo; người bị phạt cải tạo không giam giữ; người đang bị quản chế; người đang chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, trường giáo dưỡng nhưng đang được hoãn chấp hành hoặc tạm đình chỉ thi hành khi đi khỏi nơi cư trú từ 01 ngày trở lên.

+ Người trong độ tuổi nghĩa vụ quân sự, dự bị động viên đi khỏi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi mình cư trú từ 3 tháng trở lên.

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra, hướng dẫn nội dung khai báo, ký xác nhận vào phần phiếu cấp cho người khai báo tạm vắng.

**- Cách thức thực hiện:** trực tiếp tại trụ sở Công an xã, phường, thị trấn.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ:

a) Phiếu khai báo tạm vắng (HK05).

b) Xuất trình Chứng minh nhân dân.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** 01 ngày làm việc (trường hợp đặc biệt thì được phép kéo dài thời gian giải quyết, nhưng tối đa không quá 02 ngày làm việc).

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, công dân Việt Nam; người Việt Nam định cư ở nước ngoài vẫn còn quốc tịch Việt Nam trở về Việt Nam sinh sống.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Công an xã, phường, thị trấn.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**Phiếu khai báo tạm vắng (HK05).

**- Lệ phí (nếu có):** không.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Phiếu khai báo tạm vắng (HK05).

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** không.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Cư trú (Luật số 81/2006/QH11, ngày 29/11/2006).

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú (Luật số 36/2013/QH13, ngày 20/6/2013).

+ Nghị định số 31/2014/NĐ-CP, ngày 18/4/2014 của  Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

+ Thông tư số 35/2014/TT-BCA, ngày 09/9/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP, ngày 18/4/2014 của  Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

+ Thông tư số 36/2014/TT-BCA, ngày 09/9/2014 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú.

+ Thông tư số 61/2014/TT-BCA, ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú.

**14. Thủ tục: Lưu trú và thông báo lưu trú tại Công an xã, phường, thị trấn của tỉnh Gia Lai**

**- Trình tự thực hiện:**

Bước 1:  Công dân ở lại trong một thời gian nhất định tại địa điểm thuộc xã, phường, thị trấn ngoài nơi cư trú của mình và không thuộc trường hợp phải đăng ký tạm trú phải làm thủ tục lưu trú.

+ Đại diện gia đình, nhà ở tập thể, cơ sở chữa bệnh, khách sạn, nhà nghỉ, cơ sở khác khi có người đến lưu trú có trách nhiệm: Đề nghị người đến lưu trú xuất trình một trong các giấy tờ sau: Chứng minh nhân dân; hộ chiếu Việt Nam còn giá trị sử dụng; giấy tờ tuỳ thân khác hoặc giấy tờ do cơ quan, tổ chức, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp. Đối với người dưới 14 tuổi đến lưu trú thì không phải xuất trình các giấy tờ nêu trên nhưng phải cung cấp thông tin về nhân thân của người dưới 14 tuổi; thông báo việc lưu trú với Công an xã, phường, thị trấn.

Trường hợp người đến lưu trú tại nhà ở của gia đình, nhà ở tập thể mà chủ gia đình, nhà ở tập thể đó không cư trú tại địa bàn xã, phường, thị trấn đó thì người đến lưu trú có trách nhiệm thông báo việc lưu trú với Công an xã, phường, thị trấn.

Bước 2:  Trước 23 giờ hàng ngày, cán bộ tiếp nhận thông báo lưu trú tại các địa điểm ngoài trụ sở Công an xã, phường, thị trấn phải thông tin, báo cáo số liệu kịp thời về Công an xã, phường, thị trấn; những trường hợp đến lưu trú sau 23 giờ thì báo cáo về Công an xã, phường, thị trấn vào sáng ngày hôm sau. Người tiếp nhận thông báo lưu trú phải ghi vào sổ tiếp nhận lưu trú.

**- Cách thức thực hiện:** thực hiện trực tiếp hoặc bằng điện thoại hoặc qua mạng internet, mạng máy tính tại trụ sở Công an xã, phường, thị trấn hoặc căn cứ vào điều kiện thực tế, các địa phương quyết định thêm địa điểm khác để tiếp nhận thông báo lưu trú.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ: xuất trình một trong các giấy tờ sau: Chứng minh nhân dân; hộ chiếu Việt Nam còn giá trị sử dụng; giấy tờ tuỳ thân khác hoặc giấy tờ do cơ quan, tổ chức, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp. Đối với người dưới 14 tuổi đến lưu trú thì không phải xuất trình các giấy tờ nêu trên nhưng phải cung cấp thông tin về nhân thân của người dưới 14 tuổi.

+ Số lượng hồ sơ: chưa quy định cụ thể.

**- Thời hạn giải quyết:** giải quyết ngay.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, công dân Việt Nam; người Việt Nam định cư ở nước ngoài vẫn còn quốc tịch Việt Nam trở về Việt Nam sinh sống.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Công an xã, phường, thị trấn.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** ghi tên vào Sổ tiếp nhận lưu trú.

**- Lệ phí (nếu có):** không.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** không.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** không.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Cư trú (Luật số 81/2006/QH11, ngày 29/11/2006).

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú (Luật số 36/2013/QH13, ngày 20/6/2013).

+ Nghị định số 31/2014/NĐ-CP, ngày 18/4/2014 của  Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

+ Thông tư số 35/2014/TT-BCA, ngày 09/9/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 31/2014/NĐ-CP, ngày 18/4/2014 của  Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú.

+ Thông tư số 36/2014/TT-BCA, ngày 09/9/2014 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú.

+ Thông tư số 61/2014/TT-BCA, ngày 20/11/2014 của Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú.

**15. Thủ tục Thay đổi nơi đăng ký thường trú tại công an xã, thị trấn thuộc huyện của tỉnh Gia Lai**

**Bước 1**- Cá nhân có nhu cầu thay đổi nơi đăng ký thường trú chuẩn bị hồ sơ theo quy định.

**Bước 2**- Cá nhân nộp hồ sơ tại Công an xã, thị trấn để làm thủ tục thay đổi nơi đăng ký thường trú.

\* Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy biên nhận trao cho người nộp.

- Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ làm lại cho kịp thời

\* Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (thứ 7, CN, ngày lễ nghỉ).

**Bước 3**- Nhận Sổ hộ khẩu tại trụ sở Công an xã, thị trấn.

- Người nhận đưa giấy biên nhận, cán bộ trả kết quả viết phiếu nộp lệ phí (trừ trường hợp được miễn). Người nhận đem phiếu đến nộp tiền cho cán bộ thu lệ phí và nhận biên lai thu tiền. Cán bộ trả kết quả kiểm tra biên lai nộp lệ phí và yêu cầu ký nhận, trả sổ hộ khẩu cho người đến nhận kết quả.

**- Cách thức thực hiện:**Nộp hồ sơ tại Công an xã, thị trấn.

**- Thành phần hồ sơ:**

**Quy định chung về các loại giấy tờ có trong hồ sơ:**

a) Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu;

b) Bản khai nhân khẩu (đối với nhân khẩu từ đủ 14 tuổi trở lên);

c) Giấy chuyển hộ khẩu (đối với các trường hợp phải cấp giấy chuyển hộ khẩu quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Cư trú);

d) Giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp theo quy định tại Điều 5 Nghị định số l07/2007/NĐ-CP (trừ trường hợp được người có sổ hộ khẩu đồng ý cho nhập vào sổ hộ khẩu của mình):

\* Giấy tờ chứng minh chỗ ở hợp pháp thuộc quyền sở hữu của công dân là một trong các giấy tờ sau đây:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở hoặc giấy tờ về quyền sở hữu nhà ở do cơ quan có thẩm quyền cấp qua các thời kỳ;

- Giấy tờ về quyền sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật về đất đai (đã có nhà ở trên đất đó);

- Giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng (đối với trường hợp phải cấp giấy phép);

- Hợp đồng mua bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà n­ước hoặc giấy tờ về hoá giá thanh lý nhà ở thuộc sở hữu Nhà n­ước;

- Hợp đồng mua nhà ở hoặc giấy tờ chứng minh việc đã bàn giao nhà ở, đã nhận nhà ở của doanh nghiệp có chức năng kinh doanh nhà ở đầu tư­ xây dựng để bán;

- Giấy tờ về mua, bán, tặng, cho, đổi, nhận thừa kế nhà ở có công chứng hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, ph­ường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã);

- Giấy tờ về giao tặng nhà tình nghĩa, nhà tình th­ương, nhà đại đoàn kết, cấp nhà ở, đất ở cho cá nhân, hộ gia đình di dân theo kế hoạch của Nhà n­ước hoặc các đối tượng khác;

- Giấy tờ của Toà án hoặc cơ quan hành chính nhà n­ước có thẩm quyền giải quyết cho đ­ược sở hữu nhà ở đã có hiệu lực pháp luật;

- Giấy tờ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở nếu không có một trong các giấy tờ nêu trên;

- Giấy tờ chứng minh về đăng ký tàu, thuyền, ph­ương tiện khác thuộc quyền sở hữu và địa chỉ bến gốc của ph­ương tiện sử dụng để ở. Tr­ường hợp không có giấy đăng ký thì cần có xác nhận của Ủy ban nhân nhân dân cấp xã về việc có tàu, thuyền, phương tiện khác sử dụng để ở thuộc quyền sở hữu hoặc xác nhận việc mua bán, tặng cho, đổi, thừa kế tàu, thuyền, ph­ương tiện khác và địa chỉ bến gốc của ph­ương tiện đó.

\* Giấy tờ chứng minh việc cho thuê, cho m­ượn, cho ở nhờ chỗ ở hợp pháp là các loại hợp đồng, cam kết cho thuê, cho m­ượn, cho ở nhờ nhà ở, nhà khác của cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân (trường hợp hợp đồng, cam kết cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ nhà của cá nhân phải có công chứng hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã);

\* Giấy tờ của cơ quan, tổ chức, cơ sở tôn giáo về việc công dân có chỗ ở thuộc trường hợp quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều 26 của Luật C­ư trú:

- Thương binh, bệnh binh, người thuộc diện chính sách ưu đãi của Nhà nước, người già yếu, cô đơn, người tàn tật và các trường hợp khác được cơ quan, tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc tập trung;

- Chức sắc tôn giáo, nhà tu hành hoặc người khác chuyên hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo mà sống tại cơ sở tôn giáo.

\* Giấy tờ của cơ quan, tổ chức do thủ trư­ởng cơ quan, tổ chức ký tên, đóng dấu chứng minh về việc đ­ược cấp, sử dụng nhà ở, chuyển nh­ượng nhà ở, có nhà ở tạo lập trên đất do cơ quan, tổ chức giao đất để làm nhà ở (đối với nhà ở, đất thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, tổ chức) hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã là nhà ở đó không có tranh chấp về quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng.

+ Đối với trường hợp chỗ ở hợp pháp là nhà ở do thuê, mượn, ở nhờ của của cá nhân hoặc được người có sổ hộ khẩu đồng ý cho nhập vào sổ hộ khẩu của mình thì người cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ nhà ở của mình hoặc người có sổ hộ khẩu phải ghi rõ ý kiến đồng ý cho đăng ký thường trú vào phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu, ký, ghi rõ họ, tên và ngày, tháng, năm.

+ Đối với trường hợp có quan hệ gia đình là ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em ruột, cháu ruột chuyển đến ở với nhau thì không phải xuất trình giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp, nhưng phải xuất trình giấy tờ chứng minh mối quan hệ nêu trên để làm căn cứ ghi vào sổ hộ khẩu.

**Đối với một số trường hợp cụ thể:**Ngoài các giấy tờ chung có trong hồ sơ đăng ký thường trú nêu trên, các trường hợp dưới đây phải có thêm giấy tờ sau:

- Người chưa thành niên nếu không đăng ký thường trú cùng cha, mẹ; cha hoặc mẹ mà đăng ký thường trú cùng với người khác thì phải có sự đồng ý bằng văn bản của cha, mẹ; cha hoặc mẹ.

- Người sống độc thân được cơ quan, tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc tập trung khi đăng ký thường trú thì cơ quan, tổ chức đó có văn bản đề nghị. Trường hợp được cá nhân chăm sóc, nuôi dưỡng tập trung thì cá nhân đó có văn bản đề nghị có xác nhận của Uỷ ban nhân dân cấp xã. Văn bản đề nghị cần nêu rõ các thông tin cơ bản của từng người như sau: họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính, quê quán, dân tộc, tôn giáo, số chứng minh nhân dân, nơi thường trú trước khi chuyển đến, địa chỉ chỗ ở hiện nay.

- Trẻ em khi đăng ký thường trú phải có giấy khai sinh (bản chính hoặc bản sao có công chứng hoặc chứng thực).

- Người sống tại cơ sở tôn giáo khi đăng ký thường trú phải có giấy tờ chứng minh là chức sắc tôn giáo, nhà tu hành hoặc người khác chuyên hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

- Người Việt Nam định cư ở nước ngoài vẫn còn quốc tịch Việt Nam trở về nước sinh sống có một trong các giấy tờ sau:

+ Hộ chiếu Việt Nam hoặc giấy tờ thay hộ chiếu Việt Nam có đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh của lực lượng kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu;

+ Giấy tờ chứng minh còn quốc tịch Việt Nam do cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cấp, kèm theo giấy tờ chứng minh được về Việt Nam thường trú của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

+ Giấy chứng nhận có quốc tịch Việt Nam do Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, kèm theo giấy tờ chứng minh được về nước thường trú của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Số lượng hồ sơ:**01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:**15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**- Đối tượng thực hiện:**Cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện:**Công an xã, thị trấn.

**- Kết quả thực hiện:**Sổ hộ khẩu

**- Lệ phí (nếu có):**

+ Lệ phí thay đổi nơi đăng ký thường trú (không cấp mới sổ hộ khẩu): 5.000đồng/lần.

+ Lệ phí thay đổi nơi đăng ký thường trú (có cấp mới sổ hộ khẩu): 7.500đồng/lần

+ Không thu lệ phí đăng ký thường trú đối với các trường hợp: bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của Liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của Liệt sĩ; Thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh; Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng; hộ gia đình thuộc diện xoá đói, giảm nghèo.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Bản khai nhân khẩu (HK01)

+ Phiếu báo thay đổi nhân khẩu, hộ khẩu (HK02).

**- Yêu cầu, điều kiện:**Không.

**- Căn cứ pháp lý:**

+ Luật Cư trú ngày 29/11/2006.

+ Nghị định số 107/2007/NĐ-CP ngày 25/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Cư trú.

+ Quyết định số 698/2007/QĐ-BCA ngày 01/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành các biểu mẫu để sử dụng trong công tác đăng ký, quản lý cư trú.

+ Quyết định số 702/2007/QĐ-BCA ngày 01/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Quy trình đang ký thường trú, đăng ký tạm trú và tiếp nhận thông báo lưu trú.

+ Thông tư số 06/2007/TT-BCA ngày 01/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Cư trú và Nghị định số 107/2007/NĐ-CP ngày 25/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Cư trú.

+Thông tư số 07/2008/TT-BTC ngày 15/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí đăng ký cư trú.

+ Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 về việc quy định thu nộp quản lý, sử dụng lệ phí đăng ký cư trú và lệ phí cấp CMND.